

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN Crew list					
		1. Đến Arrival		2. Rời 3. Departure	Trang số: Pase No:
4. Tên tàu (Name of ship):		5. Quốc tịch tàu (Flag State of ship):			
6. Cảng đến/rời (Port of arrival/departure):				7. Ngày đến/rời (Date of arrival/departure):	
8. Cảng rời cuối cùng (Last port of call):					
STT No (9)	Họ và tên Family name, given name (10)	Chức danh Rank or rating (11)	Quốc tịch Nationality (12)	Ngày và nơi sinh Date, place of birth (13)	Loại và Số Hộ chiếu Nature, No. of identity document (seaman's passport) (14)

....., ngày tháng năm
Date

15. THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)
Master (Authorized agent or officer)